

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2018/KDTM-ST

Ngày: 23/7/2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Yến Nhi
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2051/2017/KTST ngày 15 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2974/2018/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3399/2018/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH U.

Địa chỉ: 03, Đường số S, Khu công nghiệp S, Thị xã D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Quang T, sinh năm 1967 (Theo giấy ủy quyền số 08/UQKK.2016 ngày 25/7/2016).

Địa chỉ: 143/8/3 Đường số M, Khu phố C, phường T, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở: 146 N, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà H, Số 406 U, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H và Bà Tống Thị Thu N (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/4/2018).

Cùng địa chỉ: Phòng 1901, Lầu 19, Tòa nhà S, số 37 T, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2016, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, Ông Phan Quang T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH U và Công ty Cổ phần X ký Hợp đồng mua bán ngày 30/8/2014, thỏa thuận nguyên đơn cung cấp bê tông cho bị đơn tại công trình I số 22 Đ, KCN S, D, Bình Dương. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp bê tông và xuất năm hoá đơn giá trị gia tăng cho bị đơn gồm:

1. Hoá đơn số 0000490 ngày 28/02/2015 số tiền 45.937.500 đồng (giao bị đơn ngày 11/3/2015);
2. Hoá đơn số 0000542 ngày 31/3/2015 số tiền 153.140.001 đồng (giao bị đơn ngày 23/4/2015);
3. Hoá đơn số 0000629 ngày 29/4/2015 số tiền 85.375.001 đồng (giao bị đơn ngày 22/5/2015);
4. Hoá đơn số 0000745 ngày 31/5/2015 số tiền 90.565.001 đồng (giao bị đơn ngày 09/6/2015);
5. Hoá đơn số 0000845 ngày 30/6/2015 số tiền 8.100.000 đồng (giao bị đơn ngày 09/7/2015).

Ngày 20/12/2015, bị đơn có công văn số CC0129-TK331.2015 xác nhận đến ngày 15/12/2015 còn nợ nguyên đơn số tiền 383.117.503 đồng.

Đến ngày 08/01/2016, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn hai hoá đơn số 542 và 745 tổng số tiền là 243.705.002 đồng và ngưng không thanh toán tiếp. Mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Quá trình hoà giải tại Toà án, nguyên đơn đã tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán nợ gốc sẽ không tính tiền lãi và rút đơn kiện, hoặc xin trả dần nợ gốc từng kỳ phải có thiện chí trả dứt điểm theo đúng thỏa thuận, nếu vi phạm từ kỳ trả nợ đầu tiên thì phải thanh toán hết nợ gốc một lần và tiền lãi nhưng sau đó phía bị đơn đã không đưa ra ý kiến cụ thể. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền còn nợ 139.412.501 đồng.

Về tiền lãi: Do bị đơn không thanh toán tiền nợ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nguyên đơn. Nhận thấy bị đơn cố ý chiếm dụng vốn nên yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ chậm trả với mức lãi suất quá hạn là 10,5%/năm, thời gian tính lãi là từ sau 60 ngày kể từ ngày nhận chứng từ thanh toán ký nhận trên từng hoá đơn cho đến ngày Toà án xét xử, cụ thể:

1. Hoá đơn số 0000490 ngày 28/02/2015, giao bị đơn ngày 11/3/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 12/5/2015 đến ngày 23/7/2018 là:  $45.937.500 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 1168 \text{ ngày} = 15.559.950 \text{ đồng}$ ;
2. Hoá đơn số 0000542 ngày 31/3/2015, giao bị đơn ngày 23/4/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 24/6/2015 đến ngày 08/01/2016 là:  $153.140.001 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 198 \text{ ngày} = 8.793.298 \text{ đồng}$ ;
3. Hoá đơn số 0000629 ngày 29/4/2015, giao bị đơn ngày 22/5/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 23/7/2015 đến ngày 23/7/2018 là:  $85.375.001 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 1096 \text{ ngày} = 27.135.590 \text{ đồng}$ ;

4. Hoá đơn số 0000745 ngày 31/5/2015, giao bị đơn ngày 09/6/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 10/8/2015 đến ngày 08/01/2016 là:  $90.565.001 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 151 \text{ ngày} = 3.965.841 \text{ đồng}$ ;

5. Hoá đơn số 0000845 ngày 30/6/2015, giao bị đơn ngày 09/7/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 10/9/2015 đến ngày 23/7/2018 là:  $8.100.000 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 1047 \text{ ngày} = 2.459.403 \text{ đồng}$ ;

Tổng số tiền lãi là 57.914.082 đồng. Như vậy, yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi:  $139.412.501 + 57.914.082 = 197.326.583 \text{ đồng}$  ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về ngày bắt đầu tính lãi: Hợp đồng các bên ký kết không thoả thuận về quy trình giao nhận chứng từ, nguyên đơn đã giao các hoá đơn tại văn phòng làm việc của bị đơn có nhân viên ký nhận tại mỗi thời điểm giao hoá đơn. Đại diện bị đơn thừa nhận bị đơn có nhận năm hoá đơn VAT này, nếu bị đơn không thừa nhận ngày ký nhận trên mỗi hoá đơn thì bị đơn phải chứng minh ngày tháng nhận hoá đơn để làm cơ sở tính lãi. Do đó, nguyên đơn vẫn giữ ý kiến yêu cầu tính lãi từ sau 60 ngày kể từ ngày bị đơn ký nhận tại năm hoá đơn trình bày nêu trên.

*Bị đơn là Công ty Cổ phần X, có Bà Tổng Thị Thu N là đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Bà xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán ngày 30/8/2014, theo đó nguyên đơn cung cấp bê tông cho bị đơn tại công trình I tại địa chỉ số 22 Đ, KCN S, D, Bình Dương. Quá trình thực hiện hợp đồng, giá trị hàng hoá nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn là 383.117.503 đồng theo năm hoá đơn giá trị gia tăng như đại diện nguyên đơn trình bày nêu trên. Ngày 08/01/2016, bị đơn đã thanh toán số tiền của hai hoá đơn số 542 và 745 là 243.705.002 đồng, còn nợ nguyên đơn 139.412.501 đồng. Do công việc kinh doanh của bị đơn gặp nhiều khó khăn, hiện nay không có khả năng để trả hết một lần số tiền này nên xin được trả dần mỗi tháng là 30.000.000 đồng trong ba kỳ đầu, kỳ cuối cùng thanh toán hết số tiền lại.

Riêng đối với khoản tiền lãi, bị đơn xin nguyên đơn không tính vì bị đơn không có khả năng thanh toán. Trường hợp nguyên đơn vẫn tính lãi thì đề nghị tính lãi chậm trả kể từ ngày 20/12/2015 (tức ngày bị đơn gửi công văn số CC0129-TK331.2015 xác nhận nợ), bị đơn không chấp nhận ngày bắt đầu tính lãi sau 60 ngày kể từ ngày ghi nhận tại năm hoá đơn do nguyên đơn cung cấp vì bị đơn không thể kiểm tra được do những người ký nhận tại các hoá đơn này hiện không làm việc tại Công ty bị đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, các bản khai của nguyên đơn, bị đơn có đủ cơ sở xác định Công ty U và Công ty X ký hợp đồng

mua bán ngày 30/8/2014 về việc cung cấp bê tông cho công trình I số 22 Đ, Khu công nghiệp S, D, tỉnh Bình Dương. Theo bản xác nhận công nợ đến ngày 15/12/2015 ký vào ngày 20/12/2015, Công ty X còn nợ Công ty U 383.117.503 đồng. Ngày 08/1/2016 Công ty X đã thanh toán 243.705.002 đồng và ngưng không thanh toán tiếp. Số tiền còn nợ tính đến ngày 25/7/2016 là 139.412.501 đồng. Công ty U đã nhiều lần yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền nợ còn lại, nhưng không được thanh toán, dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty U gặp nhiều khó khăn.

Bị đơn xác nhận còn nợ như nguyên đơn trình bày là đúng. Do tình hình kinh tế khó khăn nên bị đơn xin miễn số tiền lãi.

Xét thấy tại phiên bản hoà giải ngày 14/5/2018, nguyên đơn đã tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền nợ gốc vào tài khoản của nguyên đơn thì nguyên đơn rút đơn khởi kiện và không tính lãi. Còn nếu bị đơn xin trả dần như đã nêu thì bị đơn phải có thiện chí trả dứt điểm nợ gốc theo đúng thoả thuận. Trường hợp bị đơn vi phạm kì đầu tiên thì bị đơn phải thanh toán hết một lần và thanh toán tiền lãi. Tuy nhiên phía bị đơn đề nghị Toà tạo điều kiện về trao đổi với lãnh đạo Công ty và có ý kiến cụ thể vào buổi hoà giải tiếp theo. Xét tại buổi hoà giải ngày 04/6/2018 bị đơn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy Công ty TNHH U đã tạo điều kiện cho Công ty CP X để trả số tiền nợ còn lại, nhưng phía bị đơn đã không có thiện chí. Do đó Công ty TNHH U yêu cầu Công ty CP X trả số tiền gốc và tiền lãi tính từ sau 60 ngày kể từ ngày giao của mỗi hoá đơn đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10,5%/năm là có cơ sở.

*Bởi các lẽ trên:*

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty CP X phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 139.412.501 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ mua hàng. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán ký kết ngày 30/8/2014 thoả thuận về việc nguyên đơn cung cấp bê tông cho bị đơn tại công trình I tại địa chỉ số 22 Đ, KCN S, D, Bình Dương, được Toà án nhân dân Quận M thụ lý quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn thực tế có văn phòng hoạt động tại quận B nhưng chưa đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại Quận M nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của các cơ quan như: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 05/01/2017; Công an phường Phường N, Quận M ngày 10/01/2017; Công an Phường H quận B tháng 5/2017 và sự thừa nhận của đại diện bị đơn, xác định bị đơn hiện đang hoạt động tại Toà nhà H số 406 U, Phường H, quận B nhưng địa chỉ trụ sở chính vẫn đăng ký tại 146 N, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Bị đơn uỷ quyền cho Ông Nguyễn Thanh H và Bà Tổng Thị Thu N đại diện tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền lập ngày 06/4/2018, Ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Thanh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng mua bán ngày 30/8/2014, Công văn số CC0129-TK331.2015 ngày 20/12/2015 xác nhận nợ của bị đơn và sự thừa nhận của đại diện các bên đương sự, xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch thoả thuận về việc nguyên đơn cung cấp bê tông cho công trình I số 22 Đ, KCN S, D, Bình Dương của bị đơn. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp bê tông có giá trị theo năm hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất số 490 ngày 28/02/2015, số 542 ngày 31/3/2015, số 629 ngày 29/4/2015, số 745 ngày 31/5/2015, số 845 ngày 30/6/2015 và đã giao cho bị đơn có tổng số tiền là 383.117.503 đồng. Ngày 08/01/2016, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn hai hoá đơn số 542 và 745 tổng số tiền 243.705.002 đồng và ngưng không thanh toán tiếp số tiền còn lại 139.412.501 đồng là vi phạm nghĩa vụ. Bị đơn xin được trả dần số tiền nợ gốc trong kỳ hạn bốn tháng, trong ba kỳ đầu mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán hết số tiền lại không được nguyên đơn đồng ý. Xét trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã đưa ra các phương án tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không có thiện chí thực hiện nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến xin trả dần số nợ của bị đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nợ 139.412.501 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán tương ứng với số tiền và thời hạn thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày bị đơn nhận chứng từ thanh toán ghi nhận trên mỗi hoá đơn giá trị gia tăng đến ngày xét xử, mức lãi suất yêu cầu là 10,5%/năm. Bị đơn xin không tính lãi vì không có khả năng thanh toán, trường hợp tính lãi thì đề nghị nguyên đơn tính lãi kể từ ngày 20/12/2015 (ngày bị đơn gửi công văn xác nhận số tiền nợ), còn mốc thời gian sau 60 ngày nguyên đơn bắt đầu tính lãi căn cứ ghi nhận trên năm hoá đơn do nguyên đơn xuất trình bị đơn không đồng ý do không kiểm tra xác định được những người ký và ghi nhận tại các hoá đơn này có làm việc cho bị đơn hay không. Xét ý kiến của hai bên, Hội đồng xét xử nhận thấy, đại diện bị đơn thừa nhận phía bị đơn đã nhận năm hoá đơn giá trị gia tăng số 490 ngày 28/02/2015, số 542 ngày 31/3/2015, số 629 ngày 29/4/2015, số 745 ngày 31/5/2015 và số 845 ngày 30/6/2015 của nguyên đơn. Theo thoả thuận tại điểm 2.2.1 mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng có nội dung: *“Bên B (bên mua) thanh toán 100% khối lượng bê tông cho bên A (bên bán) trong vòng 60 ngày xác nhận khối lượng và bên mua đã nhận đủ chứng từ thanh toán”* và Hợp đồng này không có điều khoản hai bên thoả thuận về quy cách giao nhận

chứng từ thanh toán. Trong quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh thời điểm nhận các hoá đơn giá trị gia tăng này từ nguyên đơn. Tại mục “Người mua hàng” của năm hoá đơn này đều có ghi nhận mốc thời gian sau ngày nguyên đơn xuất mỗi hoá đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau 60 ngày kể từ sau mốc thời gian này là có cơ sở chấp nhận. Mức lãi suất yêu cầu 10,5%/năm là phù hợp quy định pháp luật (mức lãi suất trung bình trên thị trường thu thập từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TCMCP Công Thương Việt Nam hiện nay là 10,76%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn). Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền lãi là 57.914.082 đồng cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

1. Hoá đơn số 0000490 ngày 28/02/2015, giao bị đơn ngày 11/3/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 12/5/2015 đến ngày 23/7/2018 là:  $45.937.500 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 1168 \text{ ngày} = 15.559.950 \text{ đồng}$ ;

2. Hoá đơn số 0000542 ngày 31/3/2015, giao bị đơn ngày 23/4/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 24/6/2015 đến ngày 08/01/2016 là:  $153.140.001 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 198 \text{ ngày} = 8.793.298 \text{ đồng}$ ;

3. Hoá đơn số 0000629 ngày 29/4/2015, giao bị đơn ngày 22/5/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 23/7/2015 đến ngày 23/7/2018 là:  $85.375.001 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 1096 \text{ ngày} = 27.135.590 \text{ đồng}$ ;

4. Hoá đơn số 0000745 ngày 31/5/2015, giao bị đơn ngày 09/6/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 10/8/2015 đến ngày 08/01/2016 là:  $90.565.001 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 151 \text{ ngày} = 3.965.841 \text{ đồng}$ ;

5. Hoá đơn số 0000845 ngày 30/6/2015, giao bị đơn ngày 09/7/2015; bắt đầu tính lãi từ ngày 10/9/2015 đến ngày 23/7/2018 là:  $8.100.000 \text{ đồng} \times 0,029\% \times 1047 \text{ ngày} = 2.459.403 \text{ đồng}$ ;

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi:  $139.412.501 + 57.914.082 = 197.326.583 \text{ đồng}$  ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, vụ án thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm từ ngày 07/10/2016, được thụ lý lại ngày 15/11/2017 nên áp dụng mức án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí, án phí Toà án năm 2009;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực ngày 01/7/2009.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Công ty TNHH U tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi:  $139.412.501 + 57.914.082 = 197.326.583$  đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần X chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần X còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.866.329 đồng (*Chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 4.422.658 đồng (*Bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng*) cho Công ty TNHH U theo Biên lai thu tiền số 0004422 ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Ánh**

